

Bản án số: 200/2026/DS-PT

Ngày 10 – 3 – 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí

Các Thẩm phán:

1. Bà Tiêu Hồng Phượng.

2. Ông Trương Thanh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 667/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 321/2025/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Mai Kiều O**, sinh năm: 1968. Căn cước số : 096168009429 cấp ngày 23/9/2024. Địa chỉ: Khóm G, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1968. Căn cước công dân số: 096168012274 ngày 21/9/2021 (có mặt).

2.2. Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1969. Căn cước công dân số: 096069001849 cấp ngày 28/01/2023 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm H, xã T, tỉnh Cà Mau.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông **Trịnh Thanh L** – Luật sư Văn phòng luật sư Trịnh Thanh L thuộc Đoàn luật sư tỉnh C. Địa chỉ: Số I, Hồ T, khóm C, phường T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thanh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà Mai Kiều O trình bày:

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thanh T có hỏi vay tiền của bà O 03 lần, cụ thể như sau: Ngày 16/9/2019 âm lịch, bà C và ông T vay 450.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng; ngày 18/11/2019 âm lịch, bà C và ông T vay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng; ngày 27/01/2020 âm lịch, bà C và ông T vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng. Tổng số tiền gốc bà cho ông T, bà C vay 800.000.000 đồng. Quá trình vay đến năm 2022, bà có phát đơn khởi kiện bà C và ông T đến Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết, do ông Phạm Huy Đ là người đại diện theo ủy quyền cho bà, vì lúc này bà phải đi chấp hành án. Khi đó, bà C và ông T có trả cho bà được 200.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi hòa giải, hai bên thỏa thuận là bà C và ông T trả trước cho bà số tiền 560.000.000 đồng trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, tính từ ngày 20/7/2022, thông qua ông Đ là người nhận thay cho bà. Tuy nhiên, đến thời điểm 20/7/2024, bà C và ông T mới trả được số tiền 360.000.000 đồng, vẫn không trả đủ số tiền như đã thỏa thuận. Bà chấp nhận đối trừ số tiền này vào khoản nợ gốc kể từ ngày 19/7/2022.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu vợ chồng bà C và ông T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà 440.000.000 đồng tiền gốc, 235.000.000 đồng tiền lãi, tổng số tiền gốc và lãi là 675.000.000 đồng.

- Theo bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Trước đây (không nhớ rõ thời gian cụ thể), vợ chồng bà có hỏi vay của bà O nhiều đợt, có vay, có trả nên bà không nhớ rõ số tiền gốc cụ thể là bao nhiêu. Đến năm 2022, khi bà O khởi kiện ra Tòa án, do ông Đ là người đại diện theo ủy quyền cho bà O. Lúc này, hoàn cảnh gia đình bà quá khó khăn nên xin bà O không tính lãi nữa. Vì vậy, hai bên thống nhất tổng số nợ còn lại là 560.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 360.000.000 đồng, mỗi tháng bà trả 10.000.000 đồng thông qua ông Đ nhận cho bà O cho đến khi hết nợ. Tổng số tiền vợ chồng bà đã trả được là 360.000.000 đồng.

Nay bà xác định vợ chồng bà chỉ còn nợ bà O tổng số tiền 200.000.000 đồng và đồng ý trả khoản nợ này cho bà O, ngoài ra bà không đồng ý khoản nợ nào khác.

** Theo bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị C.

Từ nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 321/2025/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Kiều O.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà O tổng số tiền gốc, lãi 675.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14 tháng 10 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị C kháng cáo yêu cầu sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 321/2025/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau theo hướng: Ông T và bà C tiếp tục trả cho bà O số tiền 210.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O buộc ông T, bà Chi trả số tiền 675.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị C; Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 321/2025/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền gốc + lãi 435.000.000 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả 240.000.000 đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 278, Điều 280 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Mai Kiều O yêu cầu vợ chồng bà C và ông T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà O 440.000.000 đồng tiền gốc, 235.000.000 đồng tiền lãi, tổng số tiền gốc và lãi là 675.000.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà O. Ông T và bà C không đồng ý với án sơ thẩm nên kháng cáo đồng ý tiếp tục trả cho bà O số tiền 210.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp 03 biên nhận nợ do ông T, bà C ký nhận với tổng số tiền 800.000.000 đồng. Tại biên bản thỏa thuận ngày 15/7/2022, giữa người đại diện theo uỷ quyền của bà O là ông

Phạm Huy Đ với ông T, bà C thống nhất: Ông T, bà C còn nợ bà O tổng số tiền 560.000.000 đồng. Mặc dù, bà O không thừa nhận ý kiến của ông Phạm Huy Đ, nhưng ông Đ là người đại diện theo uỷ quyền của bà O, nên bà O phải chịu trách nhiệm với lời trình bày của ông Đ.

[3.2] Ngoài ra bà O thừa nhận, từ sau khi hai bên thoả thuận nợ ngày 15/7/2022 đến nay, ông T, bà C đã trả được số tiền 360.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.3] Như đã phân tích tại tiểu mục [3.1], ông T và bà C chỉ nợ bà O 560.000.000 đồng, và mục [3.2] trả được 360.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng và bị đơn kháng cáo đồng ý trả số tiền này là có căn cứ. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền vay gốc 440.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở. Do đó, nên không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền gốc 220.000.000 đồng, cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo nhận định trên, theo quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu cũng được điều chỉnh lại như sau: Bị đơn cho rằng vay tiền của bà O với mức lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, bà O cung cấp biên nhận nợ thể hiện lãi suất 4%/tháng. Cho thấy, mức lãi suất thoả thuận giữa các bên vượt quy định của pháp luật, nên được điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền lãi được tính như sau:

[4.1] Từ ngày 20/02/2020 đến ngày 14/7/2022 (02 năm 04 tháng 24 ngày), nợ gốc 800.000.000 đồng. Lãi suất tính như sau: $800.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} (1,66\%/\text{tháng}) \times 28 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 382.463.984 \text{ đồng}$.

[4.2] Từ ngày 15/7/2022 đến ngày 19/7/2024 (02 năm 04 ngày), tiền gốc 560.000.000 đồng. Lãi suất tính như sau: $560.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} \times 20\%/\text{năm} = 224.343.464 \text{ đồng}$.

[4.3] Từ ngày 20/7/2024 đến ngày 10/3/2026 (01 năm 07 tháng 18 ngày), tiền gốc 200.000.000 đồng. Lãi suất tính như sau: $200.000.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 65.071.988 \text{ đồng}$.

[4.4] Như vậy, tổng tiền lãi ông T, bà C phải trả là 382.463.984 đồng + 224.343.464 đồng + 65.071.988 đồng = 671.879.436 đồng. Bà O thừa nhận đã nhận tổng số tiền lãi ông T, bà C đã trả 320.000.000 đồng, nên ông T và bà C còn phải trả 671.879.436 đồng - 320.000.000 đồng = 351.879.436 đồng cho bà O. Song, nguyên đơn tự nguyện đòi bị đơn trả số tiền lãi 235.000.000 đồng, thấp hơn mức lãi suất phải trả, nên được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự:

[5.1] Án phí sơ thẩm:

Bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000 đồng (tiền vay gốc) + 235.000.000 đồng (tiền lãi), nên phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 20.000.000 đồng + 4% của số tiền vượt quá 400.000.000 đồng là 21.400.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm b khoản 1

Điều 24, khoản 4 Điều 26 của 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 240.000.000 đồng, nên phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 240.000.000 đồng x 5% = 12.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Bị đơn được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001942 và bà Nguyễn Thị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001944, cùng ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 của 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị C.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 321/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Kiều O.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà O số tiền 435.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng)(trong đó tiền vay gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 235.000.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Kiều O đòi bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Chi T1 số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 21.400.000 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Buộc nguyên đơn bà Mai Kiều O phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Ngày 05 tháng 8 năm 2025, bà O đã nộp tạm ứng án phí 18.801.600 đồng, theo biên lai số 11543 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, được đối trừ, bà O được nhận lại 6.801.600 đồng (Sáu triệu tám trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng).

- Án phí phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị C không phải chịu. Ông Nguyễn Thanh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001942 và bà Nguyễn Thị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001944 cùng ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại Thành phố HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Công Trí